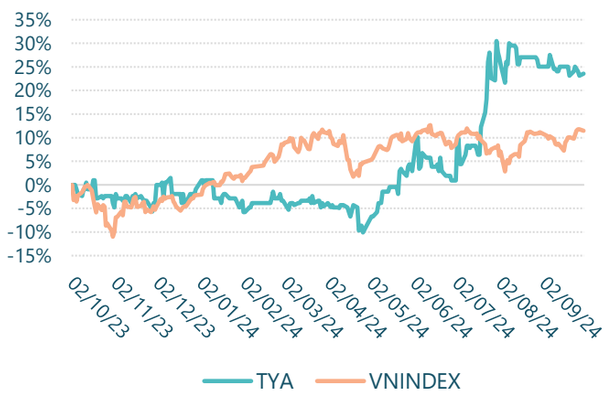
CTCP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (HSX: TYA)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	12,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.2%	**12.6%**	**29.2%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,129 - 13,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	385
Số lượng CPLH (CP)	30,680,582
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,380
Sở hữu nước ngoài	38.7%
Beta	0.38
EPS	1,816
P/E	6.9

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

488

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 1.1%

YoY: ▲ 139 | 39.9%

Nợ/VCSH

Q3/24

117%

YoY: +/-▼ 3.2%

LN gộp

Q3/24

46.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.30 | 5.1%

YoY: ▲ 22.7 | 94.5%

ROE (TTM)

Q3/24

11.1%

YoY: +/-▲ 3.1%

LN trước thuế

Q3/24

23.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.50 | -2.2%

YoY: ▲ 15.2 | 180%

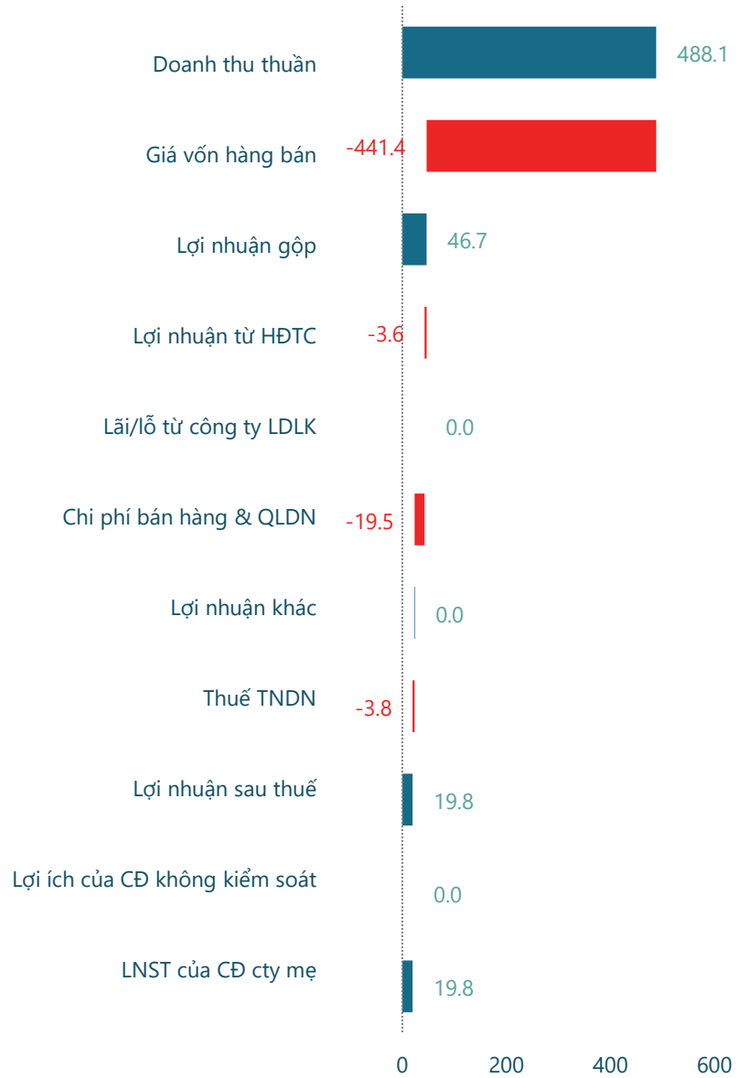
ROA (TTM)

Q3/24

5.2%

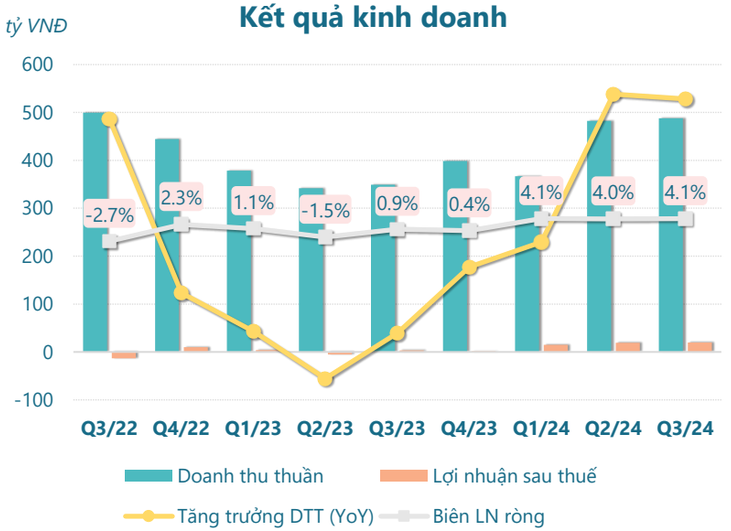
YoY: +/-▲ 1.6%

Kết quả kinh doanh Q3/24



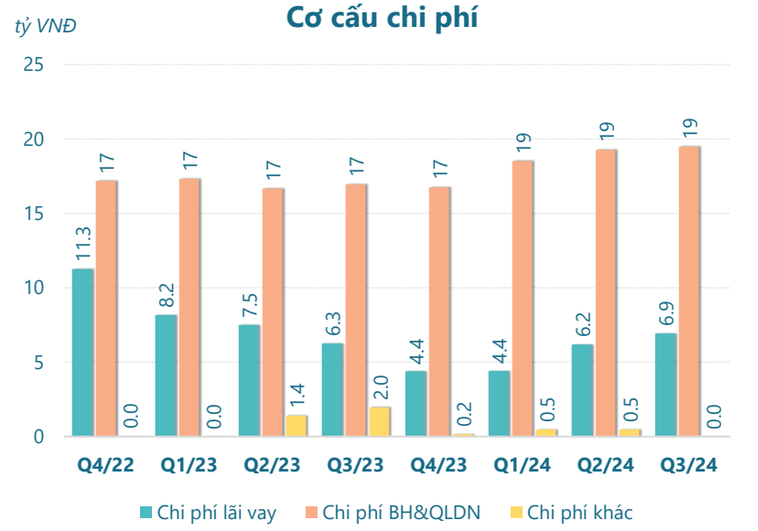
CTCP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (HSX: TYA)

FireAnt



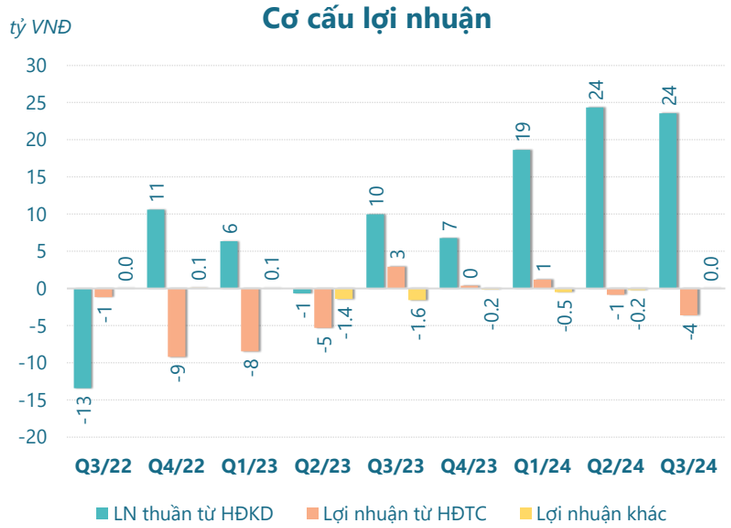
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 23.57 tỷ đồng**, giảm đi 3.16% so với kỳ trước và cao hơn 136% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 3.62 tỷ đồng** giảm đi 2.79 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 224% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** tăng thêm 0.22 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.56 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **TYA** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **488.1 tỷ đồng** tăng thêm **39.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 19.79 tỷ đồng**, **tăng trưởng 532%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,338 tỷ đồng** cao hơn 25.2% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 54.00 tỷ đồng** cao hơn 2600% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **6.94 tỷ đồng** tăng thêm 12.5% so với kỳ trước và cao hơn 10.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **19.48 tỷ đồng** tăng thêm 1.09% so với kỳ trước và cao hơn 14.9% so với cùng kỳ năm trước.

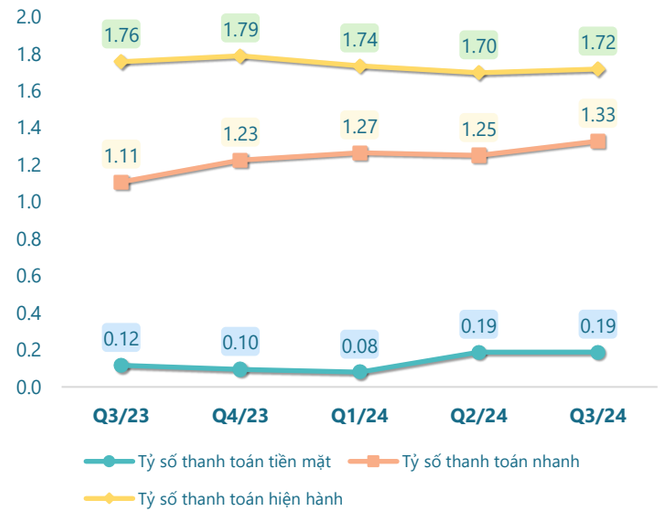
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Dây và Cáp điện Taya Việt Nam (HSX: TYA)

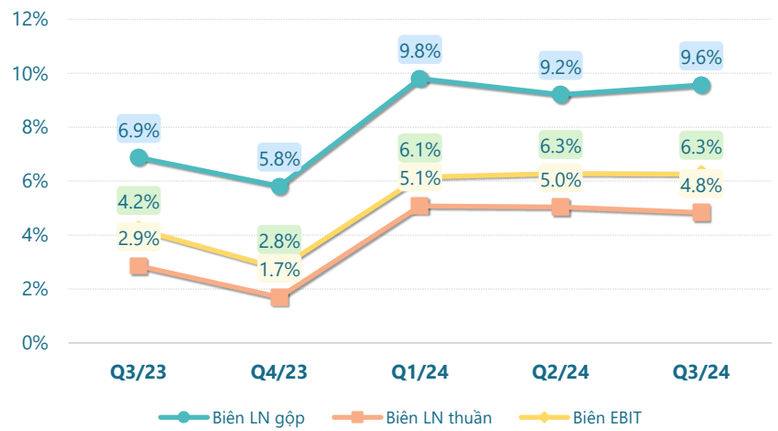
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**488**	**483**	**1.1%**	**349**	**39.9%**	**1,338**	**1,069**	**25.1%**
Giá vốn hàng bán	441	438	0.8%	325	35.8%	1,211	992	22.1%
Lợi nhuận gộp	46.7	44.4	5.1%	24.0	94.5%	127	77.4	64.1%
Doanh thu HĐTC	10.6	7.87	35.2%	12.7	-16.2%	26.1	24.3	7.8%
Chi phí TC	14.3	8.70	63.9%	9.81	45.4%	29.4	35.1	-16.2%
Chi phí lãi vay	6.94	6.17	12.5%	6.27	10.7%	17.5	21.9	-20.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	8.58	8.46	1.4%	6.16	39.3%	24.8	18.3	35.3%
Chi phí QLDN	**10.9**	**10.8**	**1.0%**	**10.8**	**1.0%**	**32.5**	**32.6**	**-0.4%**
LN thuần từ HĐKD	23.6	24.3	-3.0%	9.97	136%	66.5	15.6	325%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.22**	**101%**	**-1.56**	**100%**	**-0.70**	**-2.91**	**75.9%**
LN trước thuế	23.6	24.1	-2.2%	8.41	180%	65.8	12.7	417%
Lợi nhuận sau thuế	**19.8**	**19.3**	**2.5%**	**3.13**	**532%**	**54.0**	**2.26**	**2291%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.8**	**19.3**	**2.5%**	**3.13**	**532%**	**54.0**	**2.26**	**2291%**

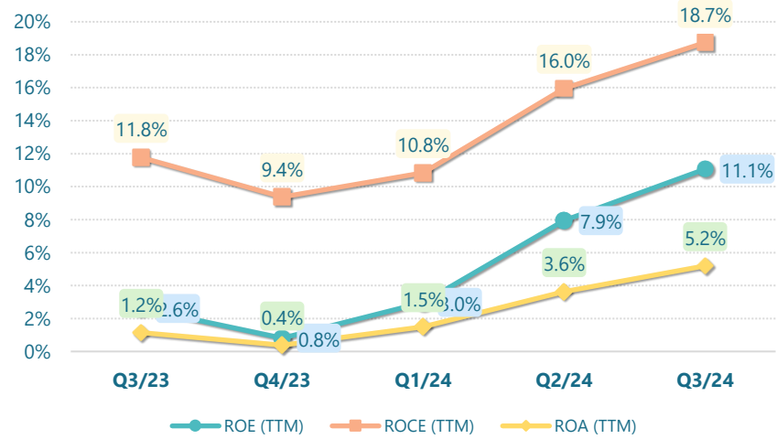
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

